

Số: 29 /2015/TT-BCA

Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2015

THÔNG TƯ

Quy định về hồ sơ và quy trình giải quyết hưởng chế độ bảo hiểm xã hội trong Công an nhân dân

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội số 71/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 152/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2006 hướng dẫn một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc;

Căn cứ Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2007 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 106/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2014 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Chính trị Công an nhân dân;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định về hồ sơ và quy trình giải quyết hưởng chế độ bảo hiểm xã hội trong Công an nhân dân.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về nguyên tắc, thủ tục, hồ sơ và quy trình giải quyết hưởng chế độ bảo hiểm xã hội đối với cán bộ, chiến sĩ, học viên, người lao động trong Công an nhân dân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật Công an nhân dân; hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ (sau đây gọi chung là cán bộ, chiến sĩ);
2. Học sinh, sinh viên hưởng sinh hoạt phí tại các trường Công an nhân dân hoặc gửi học tại các trường ngoài Công an nhân dân do Công an nhân dân trả sinh hoạt phí (sau đây gọi chung là học viên);
3. Người lao động trong Công an nhân dân;
4. Các Tổng cục, Bộ Tư lệnh, đơn vị trực thuộc Bộ; các học viện, trường Công an nhân dân; Công an, Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh, thành phố

trực thuộc Trung ương; các đơn vị sự nghiệp công lập có thu, doanh nghiệp trong Công an nhân dân (sau đây gọi chung là Công an đơn vị, địa phương).

5. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập hồ sơ và giải quyết hưởng chế độ bảo hiểm xã hội trong Công an nhân dân.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Bảo đảm đơn giản, thuận tiện, chính xác, kịp thời, đúng quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, hướng dẫn của Bảo hiểm xã hội Việt Nam và Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân về hồ sơ và quy trình giải quyết hưởng chế độ bảo hiểm xã hội.

2. Cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc cung cấp, kê khai, xác nhận, lập hồ sơ giải quyết hưởng chế độ bảo hiểm xã hội.

3. Tuân thủ quy định của Thông tư này và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Người lao động bao gồm:

a) Công nhân công an; người làm việc theo chế độ tạm tuyển, thử việc và hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động xác định thời hạn, hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 12 tháng kể cả hợp đồng lao động được ký kết giữa người sử dụng lao động với người đại diện theo pháp luật của người dưới 15 tuổi theo quy định pháp luật lao động tại các cơ quan, đơn vị trong Công an nhân dân.

b) Cán bộ, chiến sĩ, học viên và đối tượng quy định tại điểm a khoản này khi bị buộc thôi việc, bị tước danh hiệu Công an nhân dân, đã chấp hành xong án phạt tù giam, được Tòa án tuyên bố mất tích nay trở về và được Tòa án hủy bỏ tuyên bố mất tích thuộc đối tượng được xét hưởng bảo hiểm xã hội.

c) Các đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này khi đã xuất cảnh nay trở về nước định cư hợp pháp theo quy định của pháp luật về xuất nhập cảnh.

Điều 5. Quy định về lưu trữ, quản lý, sử dụng, biểu mẫu và nội dung ghi, xác nhận hồ sơ giải quyết hưởng chế độ bảo hiểm xã hội

1. Hồ sơ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội được lưu trữ, quản lý và khai thác sử dụng theo chế độ hồ sơ cán bộ trong Công an nhân dân.

2. Số hồ sơ hưởng chế độ hưu trí, bảo hiểm xã hội một lần, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, tử tuất là số sổ bảo hiểm xã hội của cán bộ, chiến sĩ, học viên, người lao động.

3. Ban hành kèm theo Thông tư này Phụ lục danh mục biểu mẫu.

Các mẫu C70a-HD, C71-HD nêu trong Thông tư này thực hiện theo Thông tư số 178/2012/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về chế độ kế toán bảo hiểm xã hội.

Mẫu Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội thực hiện theo quy định của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

4. Nội dung ghi, xác nhận trên các biểu mẫu hồ sơ giải quyết hưởng chế độ bảo hiểm xã hội thực hiện theo nội dung được thiết kế sẵn và in trực tiếp từ cơ sở dữ liệu của phần mềm Quản lý, xét duyệt hồ sơ bảo hiểm xã hội Công an nhân dân.

Chương II

HỒ SƠ VÀ QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT HƯỞNG BẢO HIỂM XÃ HỘI

Mục 1

HỒ SƠ GIẢI QUYẾT HƯỞNG BẢO HIỂM XÃ HỘI

Điều 6 . Hồ sơ giải quyết hưởng chế độ ốm đau

1. Hồ sơ giải quyết chế độ ốm đau đối với trường hợp cán bộ, chiến sĩ, học viên, người lao động nghỉ ốm đau, nghỉ do tai nạn rủi ro hoặc mắc các bệnh không thuộc danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày, gồm:

a) Sổ bảo hiểm xã hội.

b) Giấy ra viện (bản chính hoặc bản sao) trong trường hợp điều trị nội trú; Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội (mẫu C65-HD) hoặc giấy tờ khám chữa bệnh (bản chính hoặc bản sao) trong trường hợp điều trị ngoại trú;

c) Danh sách thanh toán chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức phục hồi sức khỏe (mẫu C70a-HD).

2. Hồ sơ giải quyết chế độ ốm đau đối với trường hợp cán bộ, chiến sĩ, học viên, người lao động nghỉ việc chăm con ốm, gồm:

a) Sổ bảo hiểm xã hội của cán bộ, chiến sĩ, học viên, người lao động.

b) Giấy ra viện (bản chính hoặc bản sao) trong trường hợp con cán bộ, chiến sĩ, học viên, người lao động điều trị nội trú. Đối với trường hợp con cán bộ, chiến sĩ, học viên, người lao động điều trị ngoại trú là Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội của cán bộ, chiến sĩ, học viên, người lao động (mẫu C65-HD) hoặc giấy tờ khám chữa bệnh của con (bản chính hoặc bản sao), sổ khám chữa bệnh của con (bản chính hoặc bản sao) thể hiện đầy đủ thông tin về họ và tên của người mẹ hoặc người cha; họ và tên của con, tuổi của con; số ngày cần nghỉ chăm sóc con.

c) Giấy xác nhận nghỉ việc để chăm sóc con ốm đau (mẫu 05B-HSB) của Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là Công an cấp huyện) hoặc các phòng và tương đương thuộc Công an đơn vị, địa phương (sau đây gọi là cấp phòng) nơi cán bộ, chiến sĩ, học viên, người lao động nghỉ việc trước đó (cha hoặc mẹ) đã hưởng hết thời gian theo quy định đối với trường

hợp người trước đó (người mẹ hoặc người cha không cùng đơn vị) đã hưởng hết thời gian theo quy định.

d) Danh sách thanh toán chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức phục hồi sức khỏe (mẫu C70a-HD)

e) Trường hợp cán bộ, chiến sĩ, học viên, người lao động có từ hai con trở lên cùng ốm đau mà trong đó có thời gian các con ốm không trùng nhau thì giấy tờ nêu tại điểm b Khoản này là của các con bị ốm.

3. Hồ sơ giải quyết chế độ ốm đau đối với trường hợp cán bộ, chiến sĩ, học viên, người lao động mắc bệnh cần chữa trị dài ngày, gồm:

a) Sổ bảo hiểm xã hội.

b) Giấy ra viện (bản chính hoặc bản sao). Đối với trường hợp có thời gian không điều trị nội trú là Phiếu hội chẩn (bản sao) hoặc Biên bản hội chẩn (bản sao) hoặc Bệnh án (bản sao) của cơ sở y tế hoặc Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội (mẫu C65-HD) hoặc Sổ khám chữa bệnh (bản chính hoặc bản sao) do cơ sở y tế có thẩm quyền điều trị cấp.

Các giấy tờ nêu tại Điểm này phải thể hiện bệnh điều trị là bệnh thuộc danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày và thời gian nghỉ việc để điều trị bệnh.

c) Quyết định hưởng trợ cấp ốm đau của cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ của Bộ Công an.

d) Danh sách thanh toán chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức phục hồi sức khỏe (mẫu C70a-HD).

4. Hồ sơ giải quyết chế độ ốm đau đối với trường hợp cán bộ, chiến sĩ, học viên, người lao động khám, chữa bệnh tại nước ngoài, gồm:

a) Bản dịch tiếng Việt giấy khám, chữa bệnh do cơ sở y tế nước ngoài cấp đã được công chứng hoặc chứng thực chữ ký đối với trường hợp khám, chữa bệnh ở nước ngoài.

b) Đối với trường hợp nghỉ ốm đau, nghỉ do tai nạn rủi ro hoặc mắc các bệnh không thuộc danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày thì có thêm Quyết định (bản chính hoặc bản sao) của cấp có thẩm quyền cử đi công tác, làm việc, học tập tại nước ngoài.

Điều 7. Hồ sơ giải quyết hưởng chế độ thai sản

1. Hồ sơ giải quyết hưởng chế độ thai sản đối với trường hợp cán bộ, chiến sĩ, học viên, người lao động thực hiện các biện pháp tránh thai, gồm:

a) Sổ bảo hiểm xã hội.

b) Giấy ra viện (bản chính hoặc bản sao) hoặc Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội (mẫu C65-HD).

c) Danh sách thanh toán chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức phục hồi sức

khỏe (mẫu C70a-HD).

2. Hồ sơ giải quyết hưởng chế độ thai sản đối với trường hợp nữ cán bộ, chiến sĩ, học viên, người lao động đi khám thai, bị sảy thai, nạo, hút thai, thai chết lưu, gồm:

a) Sổ bảo hiểm xã hội.

b) Giấy ra viện (bản chính hoặc bản sao) hoặc Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội (mẫu C65-HD) hoặc Giấy khám thai (bản chính hoặc bản sao) hoặc Sổ khám thai (bản chính hoặc bản sao).

c) Danh sách thanh toán chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức phục hồi sức khỏe (mẫu C70a-HD).

3. Hồ sơ giải quyết hưởng chế độ thai sản đối với trường hợp nữ cán bộ, chiến sĩ, học viên, người lao động sinh con, gồm:

a) Sổ bảo hiểm xã hội.

b) Giấy chứng sinh (bản sao) hoặc giấy khai sinh (bản sao) của con. Nếu sau khi sinh, con chết thì có thêm giấy báo tử (bản sao) hoặc giấy chứng tử (bản sao) của con. Đối với trường hợp con chết ngay sau khi sinh mà không được cấp các giấy tờ nêu trên thì thay bằng Bệnh án (bản sao) hoặc giấy ra viện của người mẹ (bản chính hoặc bản sao).

c) Danh sách thanh toán chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức phục hồi sức khỏe (mẫu C70a-HD).

4. Hồ sơ giải quyết hưởng chế độ thai sản đối với trường hợp cán bộ, chiến sĩ, học viên, người lao động nhận nuôi con nuôi, gồm:

a) Sổ bảo hiểm xã hội.

b) Giấy chứng nhận (hoặc Quyết định) nhận nuôi con nuôi của cấp có thẩm quyền (bản sao).

c) Giấy xác nhận về việc cán bộ, chiến sĩ, học viên, người lao động nghỉ việc để nuôi con nuôi của Công an cấp huyện hoặc cấp phòng.

d) Danh sách thanh toán chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức phục hồi sức khỏe (mẫu C70a-HD).

5. Hồ sơ giải quyết hưởng chế độ thai sản đối với trường hợp cán bộ, chiến sĩ, học viên, người lao động sau khi sinh con bị chết, người cha hoặc người trực tiếp nuôi dưỡng con

a) Trường hợp cả cha và mẹ đều tham gia bảo hiểm xã hội đủ điều kiện hưởng trợ cấp thai sản, hồ sơ gồm sổ bảo hiểm xã hội của người mẹ (để giải quyết trợ cấp một lần khi sinh con và trợ cấp cho thời gian người mẹ hưởng khi còn sống), sổ bảo hiểm xã hội của người cha (để giải quyết trợ cấp cho thời gian hưởng của người cha sau khi người mẹ chết), Giấy chứng sinh (bản sao) hoặc Giấy khai sinh (bản sao) của con, Giấy chứng tử của người mẹ (bản sao).

b) Trường hợp chỉ có người mẹ tham gia bảo hiểm xã hội đủ điều kiện hưởng trợ cấp thai sản, hồ sơ gồm Sổ bảo hiểm xã hội của người mẹ, Giấy chứng sinh (bản sao) hoặc Giấy khai sinh (bản sao) của con, Giấy chứng tử của người mẹ (bản sao), đề nghị hưởng trợ cấp thai sản của người cha hoặc người trực tiếp nuôi dưỡng con.

c) Trường hợp chỉ có người cha tham gia bảo hiểm xã hội đủ điều kiện hưởng trợ cấp thai sản, hồ sơ gồm Sổ bảo hiểm xã hội của người cha, Giấy chứng sinh (bản sao) hoặc Giấy khai sinh (bản sao) của con, Giấy chứng tử của người mẹ (bản sao), xác nhận của Công an cấp huyện hoặc cấp phòng nơi người cha làm việc về việc người cha nghỉ việc để nuôi con.

d) Danh sách thanh toán chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức phục hồi sức khỏe (mẫu C70a-HD).

6. Hồ sơ giải quyết chế độ thai sản đối với trường hợp cán bộ, chiến sĩ, học viên, người lao động đã xuất ngũ, thôi việc trước thời điểm sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi, gồm:

a) Đề nghị của người mẹ hoặc người nhận nuôi con nuôi.

b) Hồ sơ quy định tại khoản 3, khoản 4 hoặc hồ sơ quy định tại các điểm a, b khoản 5 Điều này.

c) Danh sách thanh toán chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức phục hồi sức khỏe (mẫu C70a-HD).

Điều 8. Hồ sơ giải quyết hưởng chế độ tai nạn lao động

1. Công văn đề nghị giải quyết của thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương.

2. Sổ bảo hiểm xã hội.

3. Biên bản điều tra tai nạn lao động (mẫu 03-ĐTTN).

4. Giấy ra viện (bản chính hoặc bản sao) sau khi đã điều trị thương tật ổn định do tai nạn lao động đối với trường hợp điều trị nội trú; giấy tờ khám, điều trị thương tật ban đầu đối với trường hợp điều trị ngoại trú.

5. Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của Hội đồng Giám định y khoa.

6. Trường hợp bị tai nạn giao thông được xác định là tai nạn lao động thì có thêm một trong các giấy tờ sau:

a) Biên bản tai nạn giao thông của cơ quan Công an hoặc cơ quan điều tra hình sự quân đội (bản sao).

b) Biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông (bản chính hoặc bản sao).

7. Trường hợp bị tai nạn giao thông trên tuyến đường thường xuyên đi và về từ nơi ở đến nơi làm việc được xác định là tai nạn lao động thì ngoài các

giấy tờ quy định nêu trên có thêm bản sao hộ khẩu thường trú hoặc bản sao giấy đăng ký tạm trú.

Điều 9. Hồ sơ giải quyết hưởng chế độ bệnh nghề nghiệp

1. Công văn đề nghị giải quyết của thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương.

2. Sổ bảo hiểm xã hội.

3. Biên bản đo đạc môi trường có yếu tố độc hại hoặc kết quả đo, kiểm tra môi trường lao động trong thời hạn quy định do cơ quan có thẩm quyền lập (bản sao); trường hợp biên bản hoặc kết quả đo, kiểm tra được xác định cho nhiều người thì hồ sơ của mỗi người có bản trích sao biên bản hoặc trích sao kết quả đo, kiểm tra. Đối với cán bộ, chiến sĩ, học viên, người lao động bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp hưởng chế độ bệnh nghề nghiệp thì thay bằng Biên bản tai nạn rủi ro nghề nghiệp (bản sao) theo mẫu quy định tại Quyết định số 120/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định điều kiện xác định người bị phơi nhiễm với HIV, bị nhiễm HIV do bị tai nạn rủi ro nghề nghiệp (sau đây viết tắt là Quyết định số 120/2008/QĐ-TTg).

4. Giấy ra viện (bản chính hoặc bản sao) đối với trường hợp điều trị nội trú sau khi điều trị bệnh nghề nghiệp ổn định. Đối với trường hợp không điều trị nội trú là Giấy khám bệnh nghề nghiệp (bản chính hoặc bản sao) hoặc Phiếu hội chẩn bệnh nghề nghiệp (bản chính hoặc bản sao). Đối với cán bộ, chiến sĩ, học viên, người lao động bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp hưởng chế độ bệnh nghề nghiệp thì thay bằng Giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp (bản sao) theo mẫu quy định tại Quyết định số 120/2008/QĐ-TTg.

5. Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của Hội đồng Giám định y khoa.

Điều 10. Hồ sơ giải quyết hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tái phát

1. Công văn đề nghị giải quyết của thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương.

2. Hồ sơ đã hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp do Công an đơn vị, địa phương quản lý.

3. Giấy ra viện (bản chính hoặc bản sao) sau khi đã điều trị ổn định thương tật, bệnh tật cũ tái phát đối với trường hợp điều trị nội trú. Đối với trường hợp không điều trị nội trú là giấy tờ khám, điều trị thương tật, bệnh tật tái phát (bản chính hoặc bản sao).

4. Biên bản giám định lại mức suy giảm khả năng lao động do thương tật, bệnh tật tái phát của Hội đồng Giám định y khoa.

Điều 11. Hồ sơ giải quyết hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp được giám định tổng hợp mức suy giảm khả năng lao động

1. Công văn đề nghị giải quyết của thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương.
2. Hồ sơ đã hưởng trợ cấp tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp do Công an đơn vị, địa phương quản lý.
3. Hồ sơ tai nạn lao động của các lần bị tai nạn lao động nhưng chưa được giám định quy định tại các khoản 3, 4, 5 và 6 Điều 8 hoặc của các lần bị bệnh nghề nghiệp nhưng chưa được giám định quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 9 Thông tư này.
4. Biên bản giám định tổng hợp mức suy giảm khả năng lao động của Hội đồng Giám định y khoa.

Điều 12. Hồ sơ giải quyết hưởng trợ cấp dưỡng sức, phục hồi sức khỏe

Hồ sơ giải quyết hưởng trợ cấp dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau ốm đau, sau thai sản, sau điều trị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là Danh sách thanh toán chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức phục hồi sức khỏe (mẫu C70a-HD).

Điều 13. Hồ sơ giải quyết cấp tiền mua phương tiện trợ giúp sinh hoạt và dụng cụ chỉnh hình

1. Hồ sơ hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp do Công an đơn vị, địa phương quản lý.
2. Chỉ định của cơ sở chỉnh hình và phục hồi chức năng thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc của bệnh viện cấp tỉnh và tương đương trở lên phù hợp với tình trạng thương tật, bệnh tật do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Đối với trường hợp có chỉ định lắp mắt giả thì có thêm chứng từ lắp mắt giả (bản chính hoặc bản sao).
3. Vé tàu, xe đi và về (nếu có).

Điều 14. Hồ sơ giải quyết hưởng lương hưu hàng tháng

1. Sổ bảo hiểm xã hội.
2. Quyết định nghỉ công tác (nghỉ việc) để hưởng chế độ hưu trí.
3. Đối với trường hợp nghỉ hưu do suy giảm khả năng lao động thì có thêm Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của Hội đồng Giám định y khoa. Trường hợp bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp thì có thêm Giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp theo mẫu quy định tại Quyết định số 120/2008/QĐ-TTg.
4. Đăng ký địa chỉ nơi nhận lương hưu và cơ sở khám chữa bệnh ban đầu của người hưởng chế độ hưu trí (mẫu 13-HSB). Trường hợp không đăng ký sẽ thực hiện theo địa chỉ ghi bổ sung gần nhất trong hồ sơ cán bộ.
5. Đơn đề nghị (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền) đóng bảo hiểm xã hội một lần để hưởng hưu trí và phiếu thu đóng bảo hiểm xã hội một lần đối với trường hợp cán bộ, chiến sĩ, học viên, người lao động còn thiếu thời gian

đóng bảo hiểm xã hội tối đa không quá 6 tháng mà có nguyện vọng đóng tiếp bảo hiểm xã hội cho các tháng còn thiếu.

Điều 15. Hồ sơ giải quyết hưởng bảo hiểm xã hội một lần

1. Hồ sơ giải quyết đối với các trường hợp hưởng lương, gồm:

a) Đề nghị giải quyết hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần của người được hưởng chế độ (mẫu 14-HSB).

b) Sổ bảo hiểm xã hội.

c) Quyết định xuất ngũ (thôi việc) hoặc văn bản chấm dứt hợp đồng lao động của cấp có thẩm quyền hoặc hợp đồng lao động đã hết hạn.

d) Đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 55 Luật Bảo hiểm xã hội là bản dịch tiếng Việt được công chứng (bản chính hoặc bản sao) của Bản thị thực nhập cảnh được lưu trú dài hạn hoặc Thẻ thường trú hoặc giấy xác nhận lưu trú dài hạn do cơ quan có thẩm quyền nước sở tại cấp đối với trường hợp ra nước ngoài để định cư quy định tại điểm d khoản 1 Điều 55 Luật Bảo hiểm xã hội.

e) Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 55 Luật Bảo hiểm xã hội là biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của Hội đồng Giám định y khoa.

2. Hồ sơ giải quyết hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ, học viên, gồm:

a) Đề nghị giải quyết hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần của người được hưởng chế độ (mẫu 14-HSB).

b) Sổ bảo hiểm xã hội (nếu có);

c) Quyết định xuất ngũ hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần.

Điều 16. Hồ sơ giải quyết hưởng chế độ tử tuất hàng tháng

1. Công văn đề nghị giải quyết của thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương.

2. Sổ bảo hiểm xã hội của cán bộ, chiến sĩ, học viên, người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 63 Luật Bảo hiểm xã hội.

3. Giấy chứng tử hoặc Giấy báo tử hoặc Quyết định của tòa án tuyên bố là đã chết (bản sao).

4. Tờ khai hoàn cảnh gia đình của thân nhân (mẫu 09A-HSB).

5. Giấy chứng nhận của nhà trường nơi đang học đối với trường hợp con từ đủ 15 tuổi đến đủ 18 tuổi còn đi học.

6. Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của Hội đồng Giám định y khoa đối với trường hợp thân nhân đề nghị giám định mức suy giảm khả năng lao động để làm căn cứ hưởng trợ cấp tuất hàng tháng.

